

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST

Ngày: 20-3-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê T Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Văn Chính.

2. Bà: Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Diệp Minh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Hồ Thị N, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 82, Ô 2, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: - Trương Thị Kim A, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Trần Văn H, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Số 125/3 Lý Thường Kiệt, tổ 10, khu phố 8, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Trần Thị Kim Th, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Hồ Thị N (đại diện theo ủy quyền của anh Diệp Minh T) trình bày:*

Ngày 30/12/2021, anh Diệp Minh T cho bà Trương Thị Kim A mượn 153.000.000 đồng, thời hạn trả tiền 03 ngày, không có thỏa thuận lãi suất.

Ngày 06/01/2022, anh Diệp Minh T cho bà Trương Thị Kim A mượn 50.000.000 đồng, thời hạn trả tiền 01 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, đóng lãi hàng tháng; số tiền này có con bà Kim A là chị Trần Thị Kim Th bảo lãnh.

Ngày 22/01/2022, anh Diệp Minh T cho bà Trương Thị Kim A mượn 70.000.000 đồng, thời hạn trả tiền 02 ngày, không có lãi suất và 30.000.000 đồng lãi suất là 3%/tháng, thời hạn trả tiền 01 tháng; tổng cộng là 100.000.000 đồng.

Tổng cộng anh T cho bà Kim A mượn 303.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2022, anh Diệp Minh T cho chị Trần Thị Kim Th mượn 35.000.000 đồng, hạn trả tiền vào ngày 10/02/2022, không có thỏa thuận lãi suất.

Đến hạn trả nợ, bà Kim A và chị Th không trả. Bà Kim A vay tiền để chăm lo kinh tế gia đình với ông H, nên anh T yêu cầu bà Kim A và ông H liên đới trả tiền cho anh T.

Tại phiên tòa, Chị N (đại diện theo ủy quyền của anh Diệp Minh T) yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H liên đới trả cho anh Diệp Minh T 303.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 22/01/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; cụ thể:

Đối với số tiền 80.000.000 đồng, tính lãi suất 1,66%/tháng, từ ngày 22/01/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền 223.000.000 đồng, tính lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày 22/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Yêu cầu chị Trần Thị Kim Th trả cho anh Diệp Minh T 35.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 10/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Trương Thị Kim A trình bày:*

Bà Kim A có mượn anh T 03 lần tiền là 50.000.000 đồng và 5.500.000 đồng và 3.000.000 đồng; tính tiền vốn và lãi khoảng 100.000.000 đồng, không phải số tiền 303.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên do chị Th vay của anh T. Bà Kim A chỉ đến nhà anh T để chứng kiến chị Th vay tiền, anh T kêu bà Kim A ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền. Chị Th sử dụng tiền vay vào việc gì, bà Kim A không biết; nhưng do bà Kim A có ký tên, lăn tay vào các giấy mượn tiền, nên bà Kim A chỉ đồng ý trả cho anh T ½ số tiền 303.000.000 đồng; còn ½ số tiền còn lại thì chị Th tự trả cho anh T. Bà Kim A vay tiền của anh T sử dụng vào việc cá nhân, không có sử dụng tiền chung với ông H, không liên quan gì với ông H.

Tại phiên tòa, bà Kim A đồng ý trả cho anh T ½ số tiền là 151.500.000 đồng; không đồng ý trả tiền lãi.

Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

* Ông Nguyễn Văn D (đại diện ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn H) trình bày:

Bà Trương Thị Kim A vay tiền của anh Diệp Minh T, ông Trần Văn H không biết; ông H không có sử dụng tiền bà Kim A vay của anh T. Ông H không đồng ý liên đới với bà Kim A trả tiền cho anh T.

Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, T cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn chị Trần Thị Kim Th vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt; theo bản tự khai, bà T trình bày: Bà T không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Diệp Minh T.

+ Buộc bà Kim A và ông H liên đới trả cho anh T số tiền 286.000.000 đồng và tiền lãi.

+ Không chấp nhận anh T yêu cầu chị Th trả số tiền 35.000.000 đồng và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Chị Th vắng mặt không rõ lý do, bà T có đơn xin vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Anh Diệp Minh T yêu cầu bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H liên đới trả số tiền 303.000.000 đồng và lãi suất như trên, xét thấy:

Theo các giấy mượn tiền ghi ngày 30/12/2012 và ngày 22/01/2022 (bút lục số 35), giấy mượn tiền ghi ngày 06/01/2022 (bút lục số 32), giấy mượn tiền ghi ngày 22/01/2022 (bút lục số 33) do anh T cung cấp, có dấu vân tay, chữ ký, chữ viết họ tên Trương Thị Kim A và Trần Thị Kim Th thể hiện bà Kim A và chị Th có vay của anh T tổng số tiền 303.000.000 đồng. Anh T cho rằng bà Kim A vay tiền sử dụng chung trong gia đình với ông H, nhưng anh T không có chứng cứ gì chứng minh ông H có vay tiền và sử dụng số tiền vay. Do đó anh T yêu cầu ông H liên đới với bà Kim A trả tiền cho anh T là không có cơ sở. Bà Kim A thừa nhận bà Kim A và chị Th có vay tiền của anh T, bà Kim A có ký tên, lăn tay vào các tờ giấy mượn tiền nêu trên; do đó số tiền vay 303.000.000 đồng là nợ chung của bà Kim A và chị Th; bà Kim A đồng ý trả cho anh T ½ số tiền 303.000.000 đồng; nên ghi nhận bà Kim A trả cho anh T số tiền 151.500.000 đồng.

Về lãi suất: Bà Kim A không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, nên phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền bà Kim A vay nợ anh T. Anh T yêu cầu tính lãi suất như trên, từ ngày 22/01/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/3/2023 là 13 tháng 24 ngày là có cơ sở và phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự; nên chấp nhận. Lãi suất được tính như sau:

+ Đối với số tiền 40.000.000 đồng: $40.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 13 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 9.163.192 \text{ đồng}$.

+ Đối với số tiền 111.500.000 đồng: $111.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 13 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 12.771.202 \text{ đồng}$.

Do đó bà Kim A phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 173.434.394 đồng (trong đó vốn 151.500.000 đồng và lãi là 21.934.394 đồng); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Anh T không yêu cầu chị Th trả tiền; nên không xem xét.

[4] Anh T yêu cầu chị Th trả số tiền 35.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 10/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm; xét thấy:

Theo Giấy mượn tiền ghi ngày 26/01/2022 (bút lục số 34) do anh T cung cấp không chứng minh được anh T có cho chị Th mượn 35.000.000 đồng; nên anh T yêu cầu chị Th trả số tiền 35.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng, tính từ ngày 10/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/3/2023 là 13 tháng 08 ngày số tiền lãi 3.853.964 đồng là không có cơ sở; nên không chấp nhận.

[5] Xét bà T không có yêu cầu gì trong vụ án; nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Kim A được miễn án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

[7] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có cơ sở một phần; nên chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
 - Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Diệp Minh T.
 - Buộc bà Trương Thị Kim A có nghĩa vụ trả cho anh Diệp Minh T số tiền 173.434.394 đồng (*Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm chín mươi bốn đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận anh Diệp Minh T yêu cầu chị Trần Thị Kim Th trả số tiền 38.853.964 đồng.

2. Về án phí:

- Anh T pH chịu 10.614.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 7.892.800 đồng đã nộp theo biên lai số 0006307 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên anh T phải nộp T số tiền 2.721.200 đồng.

- Bà Kim A được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

Anh T, chị N (đại diện ủy quyền của anh T), bà Kim A, ông H, ông D (đại diện ủy quyền của ông H) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Th, bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu